

Số: 13 /2015/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 20 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án xây dựng cầu Tân Phong trên địa bàn thành phố Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị tại tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 12/5/2015 của UBND thành phố Nam Định, tờ trình số 733/TTr-STC ngày 18/5/2015 của Sở Tài chính về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án xây dựng cầu Tân Phong trên địa bàn thành phố Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án xây dựng cầu Tân Phong trên địa bàn thành phố Nam Định, (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND thành phố Nam Định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- Website tỉnh; Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp6, Vp3, Vp5.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Bùi Đức Long



**Danh mục, đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển cây trồng đặc thù
để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án xây dựng
cầu Tân Phong trên địa bàn thành phố Nam Định**

(Kèm theo Quyết định số 13 /2015/QĐ-UBND, ngày 20/5/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

STT	Loại cây trồng	Phân loại	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
A	Đối với cây trồng dưới đất:			
1	Cây Xanh, Si, Đa, Lộc Vừng	Đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	196.000
		Đường kính gốc từ 10cm đến 20cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	318.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm đến 30cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	331.800
		Đường kính gốc lớn hơn 30cm đến 40cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	613.000
		Đường kính gốc lớn hơn 40cm đến 50cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	852.000
		Đường kính gốc lớn hơn 50cm đến 60cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	1.184.000
		Đường kính gốc lớn hơn 60cm đến 80cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	1.646.000
		Đường kính gốc lớn hơn 80cm, đường kính tán lớn hơn 1,5m, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	2.288.000
2	Cây vụn tuế	Đường kính gốc nhỏ hơn 10cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	106.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	147.000

		Đường kính gốc lớn hơn 20cm đến 30cm, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	205.000
3	Cây tùng La Hán	Đường kính gốc từ 3cm đến 5cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,0m	cây	102.000
		Đường kính gốc lớn hơn 5cm đến 10cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	141.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	332.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm, đường kính tán lớn hơn 1,0m, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	441.000
4	Cây Cau Vua (cau Bụng)	Đường kính gốc lớn từ 10cm đến 30cm, chiều cao lớn hơn 3m	cây	213.000
		Đường kính gốc lớn hơn 30cm đến 60cm, chiều cao lớn hơn 5m	cây	547.000
		Đường kính gốc lớn hơn 60cm đến 90cm, chiều cao lớn hơn 7m	cây	761.000
		Đường kính gốc lớn hơn 90cm, chiều cao lớn hơn 8m	cây	1.057.000
5	Cây Cau Sâm Banh	Đường kính gốc nhỏ hơn 10cm, chiều cao nhỏ hơn 1,5m	cây	106.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm, chiều cao nhỏ hơn 1,5m	cây	147.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm đến 30cm, chiều cao nhỏ hơn 1,5m	cây	205.000
		Đường kính gốc lớn hơn 30cm đến 50cm, chiều cao nhỏ hơn 2,0m	cây	284.000
		Đường kính gốc lớn hơn 50cm, chiều cao lớn hơn 2,0m	cây	394.000
6	Cây Cau Lợn cọ (cau lùn)	Đường kính gốc từ 5cm đến 10cm, chiều cao nhỏ hơn 1,5m	cây	165.000
		Đường kính gốc lớn hơn 10cm đến 20cm, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	262.000
		Đường kính gốc lớn hơn 20cm, chiều cao lớn hơn 1,5m	cây	364.000
7	Quất cảnh	Cao < 30cm	cây	59.000
		30 cm ≤ Cao < 50cm	cây	82.000
		50 cm ≤ Cao < 70cm	cây	114.000

		$70 \leq \text{Cao} < 100\text{cm}$	cây	166.000
		$100 \text{ cm} \leq \text{Cao} < 150\text{cm}$	cây	221.000
		$\text{Cao} \geq 150\text{cm}$	cây	306.000
8	Đào hoa	Cây giống	cây	59.000
		$70 \leq \text{Cao} < 150\text{cm}$	cây	159.000
		$150 \leq \text{Cao} < 200\text{cm}$	cây	221.000
		$\text{Cao} \geq 200\text{cm}$	cây	306.000
9	Cây lá màu, Cây dạ yến thảo, Cây dâu Tây, Cây bông nở, Cây Thanh Táo, Cây Cẩm Tú Mai	$10 < \text{Cao} < 50\text{cm}$	cây	2.000
		$\text{Cao} \geq 50\text{cm}$	cây	5.000
10	Hoa Cúc, Hoa Hồng, Hoa Thạch Thảo... (mật độ ≥ 100 cây/m ²)	Loại có hoa	m ²	183.000
		Loại chưa có hoa	m ²	128.000
B	Cây trồng trên chậu: đối với loại cây trồng trên chậu được vận dụng tính bằng 50% đơn giá di chuyển cây quy định tại mục A.			

Nguyên tắc xác định đường kính, chiều cao cây theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, ngày 11/4/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định.